

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HS-ST
Ngày: 10-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Lê Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Chiến Thắng, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 03/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: không rõ, mẹ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Bị cáo có chồng tên Lê Tân T và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Ấp Định Thọ, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Tấn T, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Ấp Chiến Thắng, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu vắng mặt

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1954; Hộ khẩu thường trú: Ấp Chiến Thắng, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 15/02/2022, bà Vũ Thị T điều khiển xe mô tô biển số 61H1-402.91 đến Trường mầm non Định Hiệp (Cơ sở 2) thuộc ấp Định Thọ, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để đón con. Tại đây, bà Tho đỗ xe tại đoạn đường đối diện trường. Bà Tho để 01 cái ví da, màu nâu, chàm bi màu vàng (bên trong có 27.350.000 đồng và 01 miếng vàng 9999 loại thần tài, trọng lượng 1 chỉ và nhiều giấy tờ tùy thân) trên yên xe. Lúc này, Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter RC màu đen trắng, biển số 61V2-3158 đi đến Trường mầm non Định Hiệp (Cơ sở 2) để đón con và đỗ xe kế bên xe của bà T. L phát hiện cái ví da ở trên yên xe mô tô của bà T nên nảy sinh ý định trộm cắp. L đi bộ quanh khu vực xe của T, lợi dụng lúc T không để ý thì L đã lấy trộm cái ví da bỏ trong áo khoác và điều khiển xe rời khỏi hiện trường cách khoảng 01 km thì dừng lại và bỏ cái ví vừa trộm được vào cốp xe của mình. Khoảng 10 phút sau thì L điều khiển xe mô tô quay lại trường để đón con về nhà.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, L kiểm tra thấy bên trong ví da có số tiền 27.350.000 đồng, 01 miếng vàng 9999 loại thần tài, trọng lượng 1 chỉ và nhiều giấy tờ tùy thân. Lúc này L cất tiền trong tủ quần áo. Đến 17 giờ 45 phút cùng ngày Liễu lấy miếng vàng 9999 đi đến tiệm vàng Kim Nga có địa chỉ tại khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng bán được 5.300.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/02/2022, Liễu mang cái ví da cùng một số giấy tờ tùy thân của bà Tho đi vứt bỏ trên lề đường gần trường Mầm non Định Hiệp, sau đó được bà Nguyễn Thị H là mẹ của L lượm được và trả cho bà T.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, L dùng số tiền trộm được và thêm tiền cùng chồng là Lê Tân T đi mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150 với giá 59.000.000 đồng về sử dụng.

Đến ngày 17/02/2022, L bị Công an xã Định Hiệp mời về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Liễu thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐG ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 chỉ vàng 9999, loại vàng thẻ tại ngày 15/02/2022 có giá trị là 5.560.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS.HS ngày 23 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria F150, số máy CGA1-ID238203, số khung: MH8DL11A2MT238194 và 01 thẻ vàng Thần tài 9999, trọng lượng 01 chỉ.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 15/02/2022, tại khu vực trường mầm non Định Hiệp huyện Dầu Tiếng, bị cáo L đã trộm cắp của bị hại T số tiền 27.350.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999 có giá trị là 2.930.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng), tổng giá trị là 32.910.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm mười ngàn đồng).

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại.

[4] Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bản cáo trạng số 48/CT-VKSĐT-HS ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực. Về nhận thức bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải có mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và

hành vi của bị cáo để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: bị hại T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Qua đó, để cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

[8] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi ở ổn định. Việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi môi trường xã hội mà cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu sơn đen trắng, biển số 61V2-3158, số khung 020586, số máy 31C3020589. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Lê Văn H. Ngày 27/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trao trả xe mô tô trên cho ông Lê Văn H theo Quyết định xử lý vật chứng số 17/QĐ ngày 26/5/2022.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria F150, số máy CGA1-ID238203, số khung: MH8DL11A2MT238194. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản mua từ tiền phạm tội mà có. Tuy nhiên, bị cáo Liễu đã bồi thường xong cho bị hại T nên đây là tài sản của Liễu nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo L.

- Đối với thẻ vàng Thần tài 9999, trọng lượng 01 chỉ và số tiền 2.930.000 đồng. Bị cáo L đã bồi thường cho bị hại T nên đây là tài sản của L. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo L.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo L đã bồi thường cho bị hại T số tiền 35.300.000 đồng, bà T không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Đối với hành vi cùng Nguyễn Thị L sử dụng tiền do trộm cắp có được để mua xe mô tô hiệu Suzuki Satria F150 của Lê Tân T. Quá trình điều tra xác định, Lê Tân Tiến không biết số tiền trên do L trộm cắp mà có được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Đối với hành vi mua vàng do Nguyễn Thị L trộm cắp mà có của Lê Ngọc L. Quá trình điều tra xác định, Lê Ngọc L không biết số vàng trên do L trộm cắp mà có được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[13] Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Thị L sinh con ruột là Lê Thị Bích T, sinh ngày 30/10/2011 khi L 15 tuổi, 06 tháng, 20 ngày có dấu hiệu của tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, quy định tại điều 145 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã tách hành vi trên để làm rõ, xử lý theo quy định.

[14] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng về mức hình phạt tù giam mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 46, 65 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “trộm cắp tài sản”:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của

Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria F150, số máy: CGA1-ID238203, số khung: MH8DL11A2MT238194, màu sơn: tím đen; loại xe: 02 bánh từ 50-175 cm³, dung tích xi lanh 147 cm³ (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận: Xe đã qua sử dụng, có nhiều vết xước trên thân xe.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 thẻ vàng Thần tài 9999, trọng lượng 01 chỉ vàng (đã được niêm phong gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Dầu Tiếng).

(Theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004280 ngày 10/8/2022 và biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Tuấn